

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2018/DS-ST
Ngày 29-10-2018
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản
(tiền hui)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp dân sự về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ng Th Th, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 28, đường ĐX 23, Tổ 13, Khu 3. Phường P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ph V S, sinh năm 1983; địa chỉ: Xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2018), có mặt.

Bị đơn: Bà Ng Th M D; địa chỉ: Số 20A/3, đường H, khu phố Th, phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ng K H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 237B, Đường H, khu phố P, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ph V S trình bày:

Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 10 năm 2012 bà Th có vay của bà D số tiền 60.000.000 đồng. Vào tháng 8 năm 2011 bà Ng K H (chủ hội) có tổ chức chơi hội tại trường THPT Trần Văn Ôn nên bà D tham gia chơi hội. Dây hội bắt đầu từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 9 năm 2012, mỗi người phải đóng 900.000 đồng/tháng. Từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 8 năm 2015, mỗi người phải đóng 1.800.000 đồng/tháng.

Bà Th, bà D, bà H có thỏa thuận bằng miệng rằng: Bà Th sẽ thay bà D nộp cho bà H phần tiền hội hàng tháng của bà D (để trừ vào số tiền bà Th nợ của bà D), đồng thời bà H phải có nghĩa vụ giao trả tiền hội cho bà D theo thỏa thuận của dây hội.

Bà D đã nhận đủ tiền từ bà H theo thỏa thuận của dây hội, cụ thể bà Th thay bà D nộp tiền hội cho bà H các lần như sau:

Từ tháng 8 năm 2011 đến hết tháng 9 năm 2012 (14 tháng), mỗi tháng 900.000 đồng. Tổng cộng 12.600.000 đồng.

Từ tháng 10 năm 2012 đến hết tháng 8 năm 2015 (35 tháng) mỗi tháng là 1.800.000 đồng. Tổng cộng 63.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Th đã nộp cho phần của bà D là 75.600.000 đồng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2016 bà Ng K H lập giấy cam kết xác định bà H có nhận số tiền trên của bà Th.

Tuy nhiên sau đó, bà D lại khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một buộc bà Th phải trả số tiền vay 60.000.000 đồng tiền nợ gốc và 15.600.000 đồng tiền lãi suất và đến nay bà Th đã trả đủ số tiền trên cho bà D theo quyết định của Tòa án.

Do số tiền bà Th nộp thay cho bà D để trừ tiền nợ, nhưng bà Th đã trả nợ cho bà D theo quyết định của Tòa án và người hốt tiền hội lại do bà D hốt nên bà Th khởi kiện yêu cầu bà D trả lại số tiền mà bà Th đã nộp thay cho bà D là 75.600.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 19.278.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về việc đòi lại số tiền 75.600.000 đồng. Riêng yêu cầu về việc buộc bị đơn trả tiền lãi nguyên đơn xin rút lại.

Bị đơn bà Ng Th M D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà D không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ng K H trình bày:

Bà và bà Th, bà D cùng làm việc tại trường THPT Trần Văn Ôn và có tham gia chơi hội để hỗ trợ nhau lúc khó khăn. Vào khoảng tháng 8 năm 2012 bà D tâm sự với bà là cho bà Th vay số tiền 30.000.000 đồng, sau đó bà không biết giữa bà D, bà Th thỏa thuận như thế nào mà hàng tháng bà Th đóng tiền hội cho bà D 900.000 đồng/tháng, thời gian đóng từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 9 năm 2012. Sau đó, bà lại nghe bà D nói cho bà Th vay thêm 30.000.000 đồng và bà cũng không biết thỏa thuận giữa hai bên như thế nào nhưng bà D nói với bà đây hội của bà D chơi hàng tháng sẽ do bà Th đóng mỗi tháng 1.800.000 đồng thì bà đồng ý và hàng tháng bà nhận tiền hội của bà D từ bà Th tính từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 8 năm 2015 thì bà Th ngưng không đóng tiền hội cho bà D nữa. Bà H xác định bà Th là người đóng tiền hội thay cho bà D, nhưng bà D lại là người hốt tiền hội. Bà H thừa nhận chữ viết trong bản cam kết ngày 14 tháng 8 năm 2016 là chữ viết của bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp dân sự về hội” là không phù hợp, vì nguyên đơn không tranh chấp về hội mà chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 75.600.000 đồng mà nguyên đơn đã đóng thay cho bị đơn nên cần xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” và giải quyết theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng có vay của bị đơn số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó hai bên thỏa thuận với nhau về việc nguyên đơn sẽ đóng hội thay cho bị đơn để trừ dần vào số tiền nợ. Từ tháng 08 năm 2011 đến tháng 8 năm 2015 nguyên đơn đã đóng thay cho bị đơn số tiền 75.600.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn lại khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu nguyên đơn trả số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng; tiền lãi 15.600.000 đồng và nguyên đơn đã thanh toán số tiền này cho bị đơn theo Bản án dân sự số 39/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017. Tại bản tự khai ngày 09 tháng 8 năm 2018, bà H xác nhận việc nguyên đơn có thay bị đơn đóng hội cho bà H và bị đơn là người hốt hội.

Ngoài ra, ngày 14 tháng 8 năm 2016 bà H lập giấy cam kết xác định bà H có nhận số tiền 75.600.000 đồng của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị đơn đã nhận tiền hui 75.600.000 đồng mà nguyên đơn thay mặt bị đơn đóng cho bà H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi 19.278.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu bà Ng Th M D, địa chỉ: Số 20A/3, đường H, khu phố T, phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương phải trả lại số tiền mà bà Th đã nộp thay tiền hui cho bà D. Xét thấy, bà Th không tranh chấp về giao dịch hui giữa các thành viên chơi hui với nhau và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định không tranh chấp về hui mà bà Th khởi kiện yêu cầu bà D trả lại số tiền mà bà đã nộp thay tiền hui cho bà D. Do đó, ngày 20 tháng 7 năm 2018 Tòa án thụ lý vụ án dân sự số 160/2018/TLST-DS và các văn bản tố tụng của Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp dân sự về hui” là chưa chính xác nên cần điều chỉnh quan hệ pháp luật lại là Tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền hui), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Ng Th M D theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà D không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà D trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ng K H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ng K H thừa nhận chữ viết trong bản cam kết ngày 14 tháng 8 năm 2016 là của bà H. Xét, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn bà Ng Th Th khởi kiện cho rằng trong thời gian từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 10 năm 2012 bà có vay số tiền 60.000.000 đồng của bà D. Do bà Th không có khả năng trả một lần cho bà D nên hai bên thỏa thuận hàng tháng bà Th sẽ đóng tiền hụi thay cho bà D để trừ vào tiền nợ. Tính đến tháng 8 năm 2015 số tiền bà Th đã đóng cho bà D là 75.600.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà D lại khởi kiện yêu cầu bà Th trả tiền nợ vay 60.000.000 đồng; tiền lãi 15.600.000 đồng và đến nay bà Th đã thanh toán xong cho bà D số tiền nêu trên theo Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu bà D phải trả lại cho bà số tiền 75.600.000 đồng mà bà đã đóng hụi thay cho bà D.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản cam kết ngày 14 tháng 8 năm 2016 có nội dung “vào tháng 8-2011 tôi có làm việc tại trường THPT Trần Văn Ôn Tôi có tổ chức chơi hụi tương trợ trong nhóm giáo viên nhân viên trong trường. vào thời gian đó cô Th TD có gởi tôi 900.000 đ trên 1 tháng (chín trăm ngàn đồng) để đóng vào dây hụi của cô D đến hết kỳ từ tháng 9 năm 2012 tôi giao phần tiền đó cho cô D từ tháng 10 năm 2012 cô Th tiếp tục gởi tôi 1.800.000 đ (một triệu tám trăm ngàn đồng) trong một tháng đến tháng 8 -2015 cô Th không gởi nữa nên tôi tiếp tục thu tiền của cô D để đóng hụi tiếp đến cuối kỳ lại giao cho cô D...”. Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã gửi đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ là bản cam kết ngày 14 tháng 8 năm 2016 nêu trên cho bà D, nhưng đến nay bà D không có bất cứ văn bản phản hồi nào gửi cho Tòa án, điều này được xem là bà D đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, theo bản tự khai ngày 09 tháng 8 năm 2018 bà H thừa nhận toàn bộ chữ viết trong bản cam kết là của bà và bà xác định việc bà Th đóng tiền hụi thay cho bà D từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 8 năm 2015, nhưng bà D là người hốt hụi là đúng sự thật. Như vậy, số tiền 75.600.000 đồng là tiền bà Th đóng hụi thay cho bà D để trừ vào tiền nợ. Tuy nhiên, sau đó bà Th lại phải trả cho bà D số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu bà D phải trả cho bà Th số tiền mà bà đóng hụi thay cho bà D là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn yêu cầu bà D phải trả tiền lãi là 19.278.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút không yêu cầu bà D phải trả tiền lãi. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th Th về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền hui) đối với bị đơn bà Ng Th M D.

Buộc bà Ng Th M D phải trả cho bà Ng Th Th số tiền 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th Th về việc buộc bị đơn bà Ng Th M D phải trả số tiền lãi 19.278.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ng Th M D phải nộp 3.780.000 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Ng Th Th số tiền 2.371.950 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi một ngàn chín trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0023864 ngày 18 tháng 7 năm 2018 (do ông Ph V S nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Phạm Thị Bạch Tuyết